CHÍNH SÁCH ĐẦU TƯ VÀ CÔNG TÁC QUẢN LÝ NGÀNH TINH DẦU – HƯƠNG LIỆU – MỸ PHẨM VIỆT NAM

TS. Nguyễn Văn Minh
PCT. Hiệp hội Tinh dầu – Hương liệu- Mỹ phẩm Việt Nam
64 Trương Định – F3 – Q3 – Tp.HCM
ĐT: 08.39322402 & 0913116403

TÓM TẮT:

Nền kinh tế Việt Nam ngày càng phát triển vững chắc, nhu cầu sử dụng tinh dầu và hương liệu trong nước rất lớn trong công nghiệp sản xuất dược liệu, mỹ phẩm, thực phẩm và hàng tiêu dùng. Hằng năm cả nước phải nhập khẩu hàng ngàn tấn tinh dầu, hương liệu của trên 30 loại tinh dầu, của gần 20 nước trên thế giới. Phải mất trên trăm triệu USD nguồn ngoại tệ của cả nước, điều này đòi hỏi phải có chính sách tiêu dùng và xuất nhập khẩu hợp lý để từng bước đưa ngành tinh dầu, hương liệu phát triển tốt. Nên việc điều tra tình hình sản xuất, tiêu thụ và việc xuất nhập khẩu các loại tinh dầu – hương liệu - mỹ phẩm hiện nay của các nước là rất cần thiết và cấp bách. Từ các số liệu có được, phần nào giúp việc tạo nguồn nguyên liệu, chính sách đầu tư và công tác quản lý phù hợp sẽ vực dậy tiềm năng to lớn này, góp phần thu nhập rất lớn trong việc sản xuất, chế biến, xuất khẩu của nước ta sau này.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Hiện nay nhu cầu tinh dầu, hương liệu và mỹ phẩm ở Việt Nam cũng như các nước trên thế giới tăng nhanh, ngày càng do xu hướng quay trở về dung những hợp chất tự nhiên trong hướng dược liệu, hương liệu, thực phẩm và mỹ phẩm càng nhiều. Mục đích hạn chế và tránh những tác dụng không mong muốn do nguồn gốc các hợp chất từ công nghiệp hóa chất đem lại.

Việt Nam là một trong những nước nằm trong khu vực nhiệt đới gió mùa có nguồn tài nguyên cây tinh dầu, cây hương liệu phong phú và đa dạng, với trên 300 loài cây tinh dầu được thu thập, trong đó có trên 50 loài cây được trồng trên 120.000ha, nhưng do chưa được đầu tư khai thác một cách hiệu quả nên đã không đạt được giá trị kinh tế như mong muốn. Mặc dù đã có rất nhiều công trình nnghiên cứu về cây tinh dầu, hương liệu có giá trị được thực hiện tại các trường đại học, các Viện, các Trung tâm nghiên cứu, nhưng do chưa gắn được với các vùng nguyên liệu và hướng triển khai sản xuất công nghiệp.

Những năm gần đây nền kinh tế Việt Nam ngày càng phát triển vững chắc, nhu cầu sử dụng tinh dầu và hương liệu trong nước rất lớn trong công nghiệp sản xuất dược liệu, mỹ phẩm, thực phẩm và hang tiêu dùng..Hằng năm cả nước phải nhập khẩu hàng ngàn tấn tinh dầu, hương liệu của gần 30 loại tinh dầu của gần 20 nước trên thế giới, với nguồn ngoại tệ trên trăm triệu USD, điều này đòi hỏi phải có chính sách tiêu dung và xuất nhập khẩu hợp lý để từng bước đưa ngành tinh dầu, hương liệu phát triển tốt.

Cùng với chính sách khuyến nông, giao trách nhiệm trực tiếp cho các ngành, các cấp và tạo thuận lợi cho các vùng sản xuất tinh dầu phát triển. Nhưng hiện nay vẫn chưa khai thác được tiềm năng kinh tế xcủa ngành tinh dầu, hương liệu Việt Nam.

II. TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN TINH DẦU, HƯƠNG LIỆU VÀ MỸ PHẨM TRONG THỜI GIAN QUA

Thực tế trong những năm qua, quán triệt chủ trương chính sách của chính phủ, các ngành công nghiệp sản xuất thực phẩm, hương liệu, dược phẩm, mỹ phẩm và các doanh

nghiệp đã mạnh dạn nghiên cứu, đầu tư phát triển các câytinh dầu, hương liệu. Từng bước hình thành các mạng lưới tiêu thụ và xuất nhập khẩu đã tạo nhiều mặt hang có giá trị cao phục vụ tiêu dung trong nước và tăng dần kim ngạch xuất khẩu. Đặc biệt có nhiều công ty đã mạnh dạn đầu tư trang thiết bị có kỹ thuật cao, thay thế các công nghệ mới nhằm tạo sản phẩm có chất lượng cao, năng suất lớn tạo nhiều sản phẩm tốt đã chiếm lĩnh thị phần trong nước và xuất khẩu tăng. Nhưng với tiềm năng đã có, với giá trị kinh tế hiện nay của cả nước thì số lượng trên còn khá khiêm tốn.

Bảng 1: Diện tích trồng các loại cây tinh dầu chính ở Việt Nam

STT	Loại cây tinh dầu	Tên Latinh	Diện tích trồng(ha)	Sản lượng (tấn)
1	Cây bạc hà	*Metha arvensis*	875	102
2	Cây Tràm	*Melaleuca.sp*	>8.000	86
3	Cây Hương nhu	*Ocimum gratissimum*	245	15
4	Cây Húng quế	*Ocimum basiicum*	182	20
5	Các loại sả	*Cymbopogon narrdus, C. flexuosus; C. martini*	1.367	278
6	Cây Hoắc hương	*Pogostemum cablin*	48	15
7	Cây Quế	*Cinamonum Zeylanicum*	16.000	187
8	Cây hồi	*Illicium verum*	>50.000	205
9	Cây Bạch đàn chanh	*Eucalyptus citriodora*	215	38
10	Cây Màng tang	*Litsea cubeba*	>15.000	332
11	Cây Tràm trà	*Melaleuca alternifolia*	260	5
12	Cây thông	*Abies siberica*	>25.000	87
13	Cây dó tạo trầm	*Aquilqria crassna*	>15.000	0,2
		Tổng cộng	132.192	1.370,2

Qua bảng 1 cho thấy, với diện tích trồng các loại cây tinh dầu hiện nay trên cả nước còn ít, nhưng sản lượng các loại tinh dầu thu được còn rất thấp, điều này do việc quy hoạch ban đầu, cùng với viếc chọn giống và chăm sóc chưa được chú trọng, nên đã thu hoạch sản phẩm thấp, đem lại hiệu quả kinh tế chưa cao. Hiện nay ngoài các cây lâu năm như cây quế, hồi, thông, tràm, dó tạo trầm có diện tích lớn, còn các cây tinh dầu ngắn ngày đã từng bước chọn tạo lại các giống tốt có năng suất và hàm lượng tinh dầu cao từ tuyển chọn và nhập nội. Từ những kết quả này nhiều làng nghề ở các tỉnh phía Bắc như Hà Tây, Hà Nội, Hải Phòng đưa các giống cây tinh dầu như bạc hà, húng quế, hoắc hương…vào sản xuất, bước đầu tạo được sản lượng tinh dầu cao, góp phần xuất khẩu tăng lợi nhuận kinh tế đáng kể cho nông dân hiện nay.

Bảng 2: Mức độ sản xuất một số loại tinh dầu qua các năm ở Việt Nam

Đơn vị: Tấn

Năm Loại tinh dầu	1987	1990	2000	2002	2005	2007
Bạc hà	45	56	87	102	86	110
Hương nhu	35	42	35	15	28	25
Tràm	80	119	102	86	114	87
Húng quế	3	8	15	20	25	21
Hoắc hương			13	15	10	08
Quế			105	187	154	160
Hồi	122	38	87	105	134	147
Bạch đàn chanh			15	38	26	18
Sả các loại	103	90	145	252	188	154

Qua kết quả điều tra tại bảng 2 cho thấy, những số lượng xuất khẩu các loại tinh dầu trên cả nước phần lớn giảm, do việc trồng và sản xuất tinh dầu chưa được chú trọng và quan tâm đúng mức của các ngành các cấp. Việc còn buông lỏng từ khâu giống, loại cây, kỹ thuật chưng cất, tiêu chuẩn chất lượng của các loại tinh dầu. Từng những kết quả trên đã làm lợi cho các doanh nghiệp kinh doanh tinh dầu, mua của nhân dân giá rẻ, xuất khẩu giá cao, lợi nhuận cao, nhưng người trực tiếp sản xuất không thấy lợi đã dần dần không đầu tư và ngành tinh dầu hương liệu. Từ đó ngành sản xuất tinh dầu hương liệu cả nước thấp dần, càng ngày số lượng nhập theo yêu cầu của cả nước tăng, làm mất đi nhiều ngoại tệ cho việc nhập các loại tinh dầu và hương liệu hiện nay rất lớn.

Bảng 3: Tình hình xuất nhập khẩu tinh dầu, hương liệu và mỹ phẩm trong những năm qua ở Việt Nam

(Số liệu do Cục Hải quan cung cấp tháng 05/2008)

Năm	Xuất khẩu (1.000USD)		Nhập khẩu (1.000USD	
	Tinh dầu, hương liệu	Mỹ phẩm	Tinh dầu, hương liệu	Mỹ phẩm
1990	238	325	568	57.895
2000	511	957	987	86.800
2003	852	2.875	1.758	152.386
2005	750	3.457	1.880	162.087
2007	655	4.560	879	150.780

Qua số liệu của Cục Hải quan cho thấy, cán cân thương mại giữa việc nhập xuất tinh dầu, hương liệu và mỹ phẩm ngày càng chệnh lệch rất lớn. Hàng năm nước ta phải tốn hàng trăm triệu USD để nhập các nguyên liệu tinh dầu, hương liệu và mỹ phẩm cho tiêu dùng và sản xuất. Từ những nguyên liệu trên đã sản xuất một số mặt hàng tiêu dùng để xuất khẩu. Từ đó cho thấy, việc đầu tư vào ngành tinh dầu hiện nay thấp đã làm thất thu một số lượng đáng kể. Nếu ta dùng nguồn ngoại tệ này nhập các máy móc với công nghệ và kỹ thuật cao cho ngành sẽ tạo được nhiều sản phẩm cao cấp. Với các sản phẩm này sẽ giúp cho ngành tinh dầu có hướng phát triển tốt.

Bảng 4: Các nước có liên hệ buôn bán tinh dầu, hương liệu và mỹ phẩm với Việt Nam

STT	Các châu	Xuất khẩu	Nhập khẩu
1	Á	Ấn Độ, Nhật, Trung quốc, Hồng Kông, Singapore, Lào, Campuachia.	Ấn Độ, Nhật, Trung quốc, Hồng Kông, Singapore, Mã Lai, Thái Lan, Đài Loan
2	Âu	Pháp, Đức, Tây Ban Nha, Thụy Sĩ, Nga, Anh, Hà Lan, Rumani, Hungari	Pháp, Đức, Tây Ban Nha, Thụy Sĩ, Nga, Anh, Hà Lan, Rumani, Hungari, Ý, Hy Lạp, Bỉ
3	Phi	Nam Phi	Nam Phi
4	Mỹ	Mỹ, Canada, Mehico, Cuba	Mỹ, Canada
5	Úc	Úc	Úc, Tân Tây Lan

Qua các nước, ngành tinh dầu hương liệu của Việt Nam từng bước mở rộng trên khắp các nước. Tại các đầu mối tinh dầu hương liệu như Đức, Hà Lan, Pháp, Nam Phi, Mỹ… đã ngày càng khẳng định tinh dầu sản xuất tại nước ta có chất lượng tốt, đáp ứng nhu cầu của các đối tác. Nhưng cũng cần nói, nhiều đối tác đã đi thẳng và đầu tư vào các vùng có thổ nhưỡng thích hợp ở Việt Nam như đất ven sông Hồng, vùng đất Lâm Đồng…

Cho thấy khả năng diện tích và các loại tinh dầu ở nước ta còn nhiều tiềm năng, mà chúng ta chưa khai thác hết.

Mặc dù đã đạt một số kết quả, nhưng ở từng khâu, từng ngành vẫn còn nhiều bất cập như:

1. ***Công tác xuất nhập khẩu***

Về mặt hàng tinh dầu, hương liệu và mỹ phẩm của ta chưa đáp ứng được nhu cầu sử dụng trong nước, nước ta còn phải nhập khẩu một số lượng lớn từ các nước như Đức, Úc, Trung Quốc, Hông Kông, Mã Lai theo nhiều con đường khác nhau, nhất là nhập theo hướng tiểu ngạch. Đây là vấn đề hết sức khó khăn trong công tác quản lý chưa thống nhất về đơn giá, tiêu chuẩn chất lượng, số lượng và thị trường quốc tế.

2. ***Chất lượng tinh dầu, hương liệu và mỹ phẩm***

- Chưa thống nhất được tiêu chuẩn chất lượng tinh dầu, hương liệu, mỹ phẩm Việt Nam. Chất lượng chỉ do cơ sở doanh nghiệp tự công bố và tiêu thụ.
- Các sản phẩm tinh dầu, hương liệu và mỹ phẩm hiện nay nhập vào bằng nhiều cách khác nhau: nhập chính ngạch, tiểu ngạch, quà biếu, mang lậu qua biên giới… NÊn việc kiểm soát chất lượng của sản phẩm trên chưa làm được triệt để.

3. ***Lưu thông phân phối***

Việc lưu thông, phân phối tinh dầu, hương liệu và mỹ phẩm hiện nay phần lớn do các doanh nghiệp tổ chức phân phối, điều tiết về giá cả, chủng loại trên địa bàn rộng khắp nước, mặc dù về chuyên môn đã phần nào làm thị trường mất ổn định.

4. ***Công tác phát triển tinh dầu hương liệu***

Với quy mô sản xuất nhỏ không tập trung, trang thiết bị lạc hậu, chất lượng sản phẩm không ổn định, không có sự lien kết chạt chẽ giữa nghiên cứu và sản xuất. Nên không những không đáp ứng được nhu cầu sử dụng trong nước mà còn ảnh hưởng lớn đến việc xuất khẩu nguyên liệu. Việt Nam có vùng nguyên liệu cây tinh dầu phong phú đa dạng có thể khai thác ở quy mô công nghiệp như : Tinh dầu thông (turpentine oil), sả, màng tang (litsea cubeba oil), bạch đàn chanh, xá xị, tràm, hương nhu. Nếu chúng ta đầu tư ở quy mô vừa, ngoài việc nâng cao chất lượng tinh dầu để xuất khẩu, có thể xuất khẩu các đơn hương chiết tách từ tinh dầu như tterpineol, geraniol, citronellol, cieol… từ các đơn hương được chiết tách có thể có thể tổng hợp nhiều loại hương liệu dung cho công nghiệp hương liệu trong nước hiện đang nhập khẩu với số lượng lớn. Ngành công nghiệp hương liệu nước ta đã được chú ý nhưng tốc độ phát triển và quy mô còn quá nhỏ. Nước ta chưa có tổ chức đủ mạnh như các nước phát triển để tập hợp, liên kết, phân chia nhiệm vụ trong ngành tinh dầu, hương liệu. Nước ta chưa có công ty, tập đoàn hương liệu lớn làm đầu tàu đưa thế mạnh tinh dầu hương liệu lên tầm với tiềm năng hiện có.

III. NHỮNG ĐỊNH HƯỚNG VỀ CHÍNH SÁCH VÀ CÔNG TÁC QUẢN LÝ

1. Phát triển nguồn nguyên liệu tinh dầu và hương liệu tự nhiên

Với điều kiện thiên nhiên ưu đãi, với nhiều loại cây tinh dầu, hương liệu có giá trị cao có thể phát triển mạnh trên trên cả nước, nhất là vùng Đông Nam bộ và Tây nguyên. Hai vùng trên với hàng trăm ngàn hécta có thể phát triển các loại cây tinh dầu và hương liệu có giá trị kinh tế cao nhưng còn thiếu vốn đầu tư phát triển. Cần tạo vùng nguyên liệu lớn, áp dụng khoa học kỹ thuật tiên tiến nhằm hạ giá thành sản phẩm đủ sức chiếm thị trường. Về khâu giống cần thiết cho việc phát triển ngành tinh dầu và hương liệu nên với việc thu thập, nhập nội, nghiên cứu và lai tạo các giống cây tinh dầu có nhu cầu lớn trong nước và xuất khẩu nhằm nâng dần giá trị kinh tế cây trồng hiện nay.

2. Xác định thị trường và chiến lược chiếm lĩnh thị trường tiêu thụ sản phẩm

Cùng việc tạo nguồn tài nguyên tinh dầu, hương liệu thì việc xác định thị trường và các hướng chiến lược chiếm lĩnh thị trường tiêu thụ sản phẩm rất quan trọng, giúp cho việc phát triển đúng hướng của các ngành, các doanh nghiệp hiện nay.

3. Công tác xuất nhập khẩu
4. Lưu thông phân phối tinh dầu, hương liệu
5. Chất lượng
6. Về tổ chức và quản lý

IV. KẾT LUẬN

Với tiềm năng của ngành tinh dầu hương liệu ở nước ta hiện nay còn rất lớn. Với nhu cầu tiêu thụ và xuất khẩu tinh dầu hương liệu từ nguồn tự nhiện ngày càng nhiều. Đòi hỏi Nhà nước, các ngành, các cấp và các doanh nghiệp kinh doanh tinh dầu hương liệu cần xem xét lại chiến lược lâu dài. Đây không những có những bước đi tốt, mà còn phải có kinh phí lớn trong việc đầu tư toàn diện của ngành từ khâu trồng trọt (giống, thổ nhưởng, phân bón, chăm sóc), đến khâu chế biên với kỹ thuật cao, tạo được các loại tinh dầu theo tiêu chuẩn thế giới, giá trị cao, mà còn có hướng tạo những đơn chất, đơn hương có giá trị kinh tế. Ngoài ra việc đầu tư thương hiệu, thương mại để giá trị tinh dầu Việt Nam cao trên thị trượng tinh dầu hương liệu thế giới. Điều này không phải một sớm một chiều mà phải cần có những chính sách trợ giúp dài hơi của các ngành có liên quan.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Đỗ Tất Lợi, 1985. Tinh dầu Việt nam. NXB. Y học 1985. Tr: 31-38 & 57-69.
2. Nguyễn Văn Minh, 2005. Khảo sát và đánh giá khả năng phát triển một số cây tinh dầu ở Nam Việt Nam – "Tuyển tập công trình khoa học Nghiên cứu phát triển cây có dầu và dầu thực vật Việt Nam". NXB. Nông nghiệp 2005. Tr: 295-303.
3. Lã Đình Mới. 1988. Vài ý kiến về công tác nghiên cứu cây tinh dầu ở nước ta. Báo cáo Hội nghị khoa học ngành dược , 5 tr.
4. Nguyễn Văn Nghi, 2003. Vấn đề tinh dầu- hương liệu ở nước ta và triển vọng. Hội nghị Dược liệu toàn quốc lần I "Phát triển dược liệu bền vững trong thế kỷ 21" tại Hà Nội ngày 11-12/03/2003. Tr: 89-94..
5. Lê Ngọc Thạch, 2003. Tinh dầu. NXB. Đại học quốc gia Tp.HCM 2003. Tr: 20-30.
6. Nguyễn Thị Phương Thảo, 2003. Tình hình khai thác, sản xuất, buôn bán và ứng dụng tinh dầu làm thuốc. Hội nghị Dược liệu toàn quốc lần I "Phát triển dược liệu bền vững trong thế kỷ 21" tại Hà Nội ngày 11-12/03/2003. Tr: 84-88.
7. Tình hình xuất nhập khẩu tinh dầu – hương liệu - mỹ phẩm từ năm 2003-2007. Số liệu do Cục Hải quan Tp.HCM cung cấp tháng 05/2008)